TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST Ngày 16 tháng 5 năm 2025 V/v xin ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Ngọc Thương

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Ông Hà Văn Sơ và ông Cầm Văn Tổ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2025 giữa các đương sự; Quyết định hoãn phiên toà số: 10/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản Ý L, xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lò Văn H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Bản C S , xã Chiềng Mai, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Tươm trình bày như sau:

Chị và anh Lò Văn H kết hôn từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn vào ngày 20/8/2012 và được hai bên gia tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không chịu khó làm ăn, đam mê cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng mâu thuẫn cãi vã. Anh chị đã nhiều lần được gia đình hòa giải nhưng không thành. Đến cuối năm 2021 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Chiềng Lương sinh sống và anh chị đã sống ly thân. Sau thời gian dài ly thân, chị xác định vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn không thể giải quyết nên đề Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Lò Thanh Lâm, sinh ngày 24/05/2013; cháu Lò Thanh Tuyền, sinh ngày 09/10/2014 và cháu Lò Bình Thiệp, sinh ngày 04/9/2016. Từ khi chị chuyển nhà nhà ngoại ở Chiềng Lương các cháu cũng về ở cùng chị và nhập khẩu vào cùng ông bà ngoại. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị trong vụ án ly hôn này.

- Về nợ chung: Chị xác nhận không có nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Lò Thanh Lâm, sinh ngày 24/05/2013; cháu Lò Thanh Tuyền, sinh ngày 09/10/2014 và cháu Lò Bình Thiệp, sinh ngày 04/9/2016 đều có nguyện vọng ở cùng mẹ sau khi bố mẹ ly hôn

Đối với anh Lò Văn H: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà cho anh Lò Văn H. Qua xác minh, xác định anh Lò Văn H vắng mặt tại nơi cư trú. Do đó, Tòa án đã tiến hành các biện pháp niêm yết các thủ tục văn bản tố tụng cho anh H tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu của anh H. Nhưng anh H vẫn cố ý vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn anh Lò Văn H đã được tống đạt các thủ tục theo quy định của pháp luật,

tuy nhiên không hợp tác để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lập biên bản làm việc về việc tống đạt văn bản và lập biên bản niêm yết tại nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa để làm việc. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hà Thị N và anh Lò Văn H. Về con chung: Giao cháu Lò Thanh Lâm, sinh ngày 24/05/2013; cháu Lò Thanh Tuyền, sinh ngày 09/10/2014 và cháu Lò Bình Thiệp, sinh ngày 04/9/2016 cho chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét; Về nợ chung: Không có. Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí do là người dân tộc cư trú ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn về việc xin ly hôn với anh Lò Văn H có nơi cư trú tại Bản Co Sâu, xã Chiềng Mai, huyện Mai Sơn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, phân chia tài sản chung và nợ chung là đúng quy định của pháp luật.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn tại nơi cứ trú. Qua xác minh xác định bị đơn đã biết được nội dung chị N xin ly hôn tại Tòa án, thời gian và địa điểm Tòa án triệu tập làm việc thông qua gia đình. Bị đơn cố tình không có mặt tại Tòa án, không gửi văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm về việc khởi kiện cho Tòa án, nên có căn cứ xem xét giải quyết vụ án. Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Hà Thị N và anh Lò Văn H.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hà Thị N và anh Lò Văn H kết hôn với nhau từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn vào ngày 20/8/2012, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không chịu khó làm ăn, đam mê cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng mâu thuẫn cãi vã. Anh chị đã nhiều lần được gia đình hòa giải nhưng không thành. Đến cuối năm 2021 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Chiềng Lương sinh sống và anh chị đã sống ly thân. Sau thời gian dài ly thân, chị xác định vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn không thể giải quyết nên đề Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương thể hiện, anh H và chị N có mâu thuẫn là do anh H chơi bời không chịu khó làm ăn. Đến năm 2021 chị N đã bỏ hẳn về bên nhà ngoại ở xã Chiềng Lương sinh sống, anh H cũng đi về dưới Hà Nội làm công nhân. Hội đồng xét xử xét thấy, anh H mặc dù biết chị N có đề nghị giải quyết ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không thể hiện thiện chí hòa giải với chị N. Chị N xác định vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm, cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Hà Thị N và anh Lò Văn H.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh H có 03 con chung là cháu Lò Thanh Lâm, sinh ngày 24/05/2013; cháu Lò Thanh Tuyền, sinh ngày 09/10/2014 và cháu Lò Bình Thiệp, sinh ngày 04/9/2016. Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả ba con chung. Qua xác minh tại Ban quản lý bản và gia đình thể hiện trong thời gian anh H đi làm xa, ba cháu ở với chị N. Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Lâm, cháu Tuyền và cháu Thiệp đều có nguyện vọng ở cùng chị N. Hội đồng xét xử xét thấy, ba cháu đều có nguyện vọng ở cùng chị N, anh H hiện không có mặt tại địa phương. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cần chấp nhận ý kiến của cháu Lâm, cháu Tuyền và cháu Thiệp, giao cháu Lò Thanh Lâm, cháu Lò Thanh Tuyền và cháu Lò Bình Thiệp cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không đề nghị anh H cấp dưỡng. Xét đây là yêu cầu tự nguyện của chị N nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khẳng định không có tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Kết quả xác minh trùng với lời khai của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Hoàng Thị Tâm là người dân tộc thiểu số cư trú tại bản có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, cần miễn án phí xin ly hôn cho chị Tâm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hà Thị N và anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thanh Lâm, sinh ngày 24/05/2013; cháu Lò Thanh Tuyền, sinh ngày 09/10/2014 và cháu Lò Bình Thiệp, sinh ngày 04/9/2016 cho chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Sau khi ly hôn, anh H được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị N.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ban án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Ủy ban nhân dân xã Chiềng Lương;

- Lưu hồ sơ, án văn.

Cầm Ngọc Thương